

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Liên
2. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị T, sinh năm 1992; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 905 T, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 14/185 T, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đàm Ngọc D, sinh năm 1992; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 905 T, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại đội 16 Phân trại số I, Trại giam Xuân Nguyên; địa chỉ: Xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa, nguyên đơn (chị Lâm Thị T) trình bày: Tôi (T) và anh Đàm Ngọc D tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 23/5/2017.

Trong thời gian chung sống, ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, cách sống giữa hai bên có nhiều khác biệt, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nhất là từ năm 2019 tôi phát hiện anh D mắc nghiện ma túy, từ khi nghiện ma túy anh D không quan tâm hay có trách nhiệm đến gia đình, vợ con, thường xuyên vắng mặt tại nhà. Tôi và gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng anh D không từ bỏ được. Đến tháng 5/2020 tôi đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở, tháng 6/2020 anh D vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân quận Lê Chân xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện anh D đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên. Trong thời gian tạm giam, tôi có vào thăm, động viên và nói chuyện thì hai vợ chồng cũng đã xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài và không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh D.

- Về con chung: Tôi và anh D có 01 con chung là Đàm Bảo L, sinh ngày 28/6/201X hiện đang do tôi chăm sóc, nuôi dưỡng; nay ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành vì từ trước đến nay cháu đều do tôi chăm sóc và hiện tại anh D đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu anh D, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung hay công nợ: Tôi và D không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai được thực hiện tại Trại giam Xuân Nguyên, bị đơn (anh Đàm Ngọc D) trình bày: Về thời gian vợ chồng kết hôn và về con chung đúng như chị T trình bày.

Về quan hệ tình cảm: Anh D thừa nhận đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách sống có nhiều thay đổi, bản thân anh D mãi chơi, dẫn đến vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến gia đình, vợ con. Anh D cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mặc dù tình cảm với vợ con vẫn còn nhưng anh xác định nếu tiếp tục chung sống sẽ làm khổ nhau vì vậy nay chị T có đơn xin ly hôn anh cùng hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Anh D và chị T có 01 con chung là Đàm Bảo L, sinh ngày 28/6/201X, nếu ly hôn trước mắt anh nhất trí, đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con anh D và chị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản thu thập chứng cứ đại diện địa phương nơi chị T và anh D cư trú cho biết: Trong thời gian anh D và chị T chung sống địa phương không nắm rõ về mâu thuẫn của hai bên do cả hai đều đi làm thường xuyên. Đến đầu năm 2020 chị T

đã đưa con chuyển đi nơi khác sinh sống; khoảng giữa năm 2020 thì anh D bị bắt do vi phạm pháp luật, hiện đang chấp hành án tại trại giam Xuân Nguyên, thành phố Hải Phòng. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh D, đại diện địa phương đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung hiện đang do chị T nuôi dưỡng; nếu hai bên ly hôn đại diện địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi của cháu.

Về tài sản chung: Địa phương không nắm được, nên không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ kiện đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc giao các văn bản cho các bên. Về phía nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lâm Thị T được ly hôn anh Đàm Ngọc D. Về con chung: Giao con chung Đàm Bảo L, sinh ngày 28/6/201X cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không đề nghị Hội đồng xét xử đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Hai bên không yêu cầu, nên không đề nghị Hội đồng xét xử đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa anh D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, xét ý kiến của anh D là tự nguyện và phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Lâm Thị T và anh Đàm Ngọc D tuân thủ đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại bản tự khai và lời trình bày của các bên đều thừa nhận quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Cả hai bên đều khẳng định mâu thuẫn từ năm 2019 và không thể hàn gắn được. Nay chị T xin ly hôn, anh D không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét cả hai bên đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân của hai bên không đạt được; việc chị T xin ly hôn anh D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là Đàm Bảo L, sinh ngày 28/6/201X hiện đang ở cùng chị T; nay ly hôn chị T đề nghị giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và phù hợp ý kiến của anh D và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cũng như ý kiến của đại diện chính quyền địa phương nơi chị T, anh D cư trú. Căn cứ khoản 2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên giao cháu Đàm Bảo L cho chị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh D đều có ý kiến hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Hai bên trình bày không có tài sản chung, nên không đề nghị giải quyết; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xét giải quyết.

Sau này hai bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà Nước theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị T được ly hôn anh Đàm Ngọc D.
2. Về con chung: Giao con chung Đàm Bảo L, sinh ngày 28/6/201X cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị T đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0014348 ngày 25/3/2021.

Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- THADS quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- UBND phường K, Q. Lê Chân,
- Tp Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc